

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----00-----

HỢP ĐỒNG PHẦN MỀM

(Về việc: Xây dựng phần mềm dự án Escooter)

Số: 2018/VINFAST/VKG-001

Căn cứ:

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ vào Luật Thương mại 2005
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên liên quan.

Hôm nay, ngày 12 tháng 09 năm 2018, tại Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINFAST

Đại diện: Bà Lê Mai Tuyết Trinh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Công nghệ Thông tin

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đinh Vũ – Cát Hải, Đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 024 39748579

Mã số thuế: 0107894416

BÊN B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 38582 9280

Tài khoản: 36388550905 Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội

Mã số thuế: 0104877363

Hai bên cùng thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng “Xây dựng phần mềm dự án Escooter” (Hợp đồng này) với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ KẾT CẢU HỢP ĐỒNG

1.1. Đối tượng của Hợp đồng: Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện Xây dựng phần mềm dự án Escooter trên cơ sở phạm vi triển khai được mô tả cụ thể ở Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

1.2. Hợp đồng này bao gồm văn bản hợp đồng này và các phụ lục sau đây:

Phụ lục A: Định nghĩa và giải thích;

Phụ lục 01: Phạm vi công việc;

Phụ lục 02: Kế hoạch dự án;

Phụ lục 03: Tài liệu, sản phẩm bàn giao;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----00-----

HỢP ĐỒNG PHẦN MỀM

(Về việc: Xây dựng phần mềm dự án Escooter)

Số: 2018/VINFAST/VKG-001

Căn cứ:

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ vào Luật Thương mại 2005
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên liên quan.

Hôm nay, ngày 12 tháng 09 năm 2018, tại Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINFAST

Đại diện: Bà Lê Mai Tuyết Trinh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Công nghệ Thông tin

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 024 39748579

Mã số thuế: 0107894416

BÊN B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 38582 9280

Tài khoản: 36388550905 Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội

Mã số thuế: 0104877363

Hai bên cùng thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng “Xây dựng phần mềm dự án Escooter” (Hợp đồng này) với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ KẾT CẢU HỢP ĐỒNG

1.1. Đối tượng của Hợp đồng: Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện Xây dựng phần mềm dự án Escooter trên cơ sở phạm vi triển khai được mô tả cụ thể ở Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

1.2. Hợp đồng này bao gồm văn bản hợp đồng này và các phụ lục sau đây:

Phụ lục A: Định nghĩa và giải thích;

Phụ lục 01: Phạm vi công việc;

Phụ lục 02: Kế hoạch dự án;

Phụ lục 03: Tài liệu, sản phẩm bàn giao;

Phụ lục 04: Phương pháp luận triển khai.
Các Phụ lục là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. CÁC GIẢ THIẾT

- 2.1. Nguồn lực bên B tham gia các dự án của bên A được thực hiện trong điều kiện các giả thiết của bên B và phạm vi công việc của hợp đồng. Những phát sinh trong hợp đồng của bên A với khách hàng của bên A có thể dẫn đến những thay đổi gây ra sự chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng. Những phát sinh hoặc chậm trễ (nếu có) do những việc phát sinh ngoài giả thiết này sẽ không được tính vào nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ dự án của bên B.
- 2.2. Phạm vi công việc do bên B thực hiện được mô tả trong phần “Phụ lục 01 - Phạm vi công việc”. Bên B không phải thực hiện các phát sinh ngoài mô tả trên trừ trường hợp có thỏa thuận phát sinh khác bằng văn bản của hai Bên.
- 2.3. Bên A và/hoặc khách hàng bên A chịu trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện làm việc cho cán bộ của bên B như phòng làm việc, máy tính, hệ thống mạng, máy chủ... khi phát sinh nhu cầu cần thiết phải làm việc tại văn phòng bên A.
- 2.4. Các phần mềm do bên A và/hoặc khách hàng bên A cung cấp cho cán bộ của bên B làm việc do bên A/khách hàng bên A chịu trách nhiệm về bản quyền. Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý nếu bên A hoặc khách hàng bên A cung cấp các phần mềm sử dụng vi phạm bản quyền.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

Bên A chịu trách nhiệm thực hiện những công việc dưới đây để phối hợp với bên B hoàn thành các công việc trong phạm vi của hợp đồng. Những công việc này do bên A thực hiện với chi phí của bên A và không được tính lại cho bên B. Bên A đồng ý chịu trách nhiệm các việc sau đây:

- 3.1. Cử người làm quản trị dự án có sự tham gia nguồn lực của bên B. Người này chịu trách nhiệm chính phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc của hợp đồng này.
- 3.2. Trong trường hợp Bên A thấy nhân sự của bên B không phù hợp/vi phạm nội dung công việc quy định tại Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu bên B thay đổi nhân sự đó. Yêu cầu thay đổi nhân sự sẽ được bên A gửi cho bên B trước 05 ngày làm việc.
- 3.3. Phối hợp hoạt động giữa bên B và khách hàng bên A để đảm bảo thông tin thông suốt và phối hợp chặt chẽ giữa các bên trong quá trình triển khai dự án.
- 3.4. Kiểm tra xem xét các tài liệu giải pháp của bên B cung cấp trước khi chuyển giao cho khách hàng của bên A.
- 3.5. Bảo đảm nguồn lực tiếp nhận hệ thống của khách hàng đầy đủ trình độ và kỹ năng để nhận chuyển giao công nghệ từ bên B.
- 3.6. Bảo đảm cung cấp đầy đủ phần cứng, phần mềm cũng như các thiết bị ngoại vi, hạ tầng để bên B tiến hành công việc.
- 3.7. Cung cấp đầy đủ thông tin và vật tư theo yêu cầu hợp lý của bên B để bên B thực hiện hợp đồng.
- 3.8. Kiểm tra kết quả công việc và ký biên bản nghiệm thu.
- 3.9. Thanh toán cho bên B theo đúng điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

- 4.1. Thực hiện các công việc được nêu trong phụ lục 01 “Phạm vi công việc” một cách tốt nhất và đúng thời hạn theo yêu cầu của hợp đồng.
- 4.2. Đảm bảo có đầy đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện các công việc quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

- 4.3. Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện các biện pháp cần thiết, không loại trừ việc chạy thử phần mềm (test) trước khi thực hiện chính thức, nhằm đảm bảo phần mềm thiết kế phải có sự tương thích, phù hợp với hệ thống hoạt động của Bên A, không làm ảnh hưởng đến hệ thống hoạt động của Bên A.
- 4.4. Cán bộ bên B phải báo cáo tiến độ công việc cho quản trị dự án theo quy định của bên A.
- 4.5. Cán bộ bên B phải bảo vệ các bí mật thông tin, tài liệu được các bên chuyển giao trong và sau khi thực hiện Hợp đồng này theo quy định tại phụ lục B của Hợp đồng này.
- 4.6. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hành vi và các vấn đề phát sinh từ nhân viên của Bên B, đảm bảo an toàn mọi hoạt động, tuân thủ mọi nội quy, quy chế của Bên A trong suốt thời gian triển khai dự án. Dám bảo việc triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên A và khách hàng bên A.
- 4.7. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại các điều khoản khác của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Bên B cam kết thời gian thực hiện hợp đồng như sau:

- 5.1. Bàn giao lần lượt từng tài liệu đặc tả chức năng trong vòng hai (2) tuần kể từ ngày ký hợp đồng.
- 5.2. Thực hiện phát triển và triển khai đúng theo phụ lục 02- Kế hoạch dự án.
- 5.3. Từ vấn giải pháp về mặt chức năng trong quá trình phát triển dự án. Thời gian từ vấn không quá một (01) tháng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 6. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- 6.1. Những ngày nghỉ trong quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh do quy định của nhà nước, quy định nội bộ của bên A, quy định nội bộ của khách hàng bên A không tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.2. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có những ngày nghỉ phát sinh vì những trường hợp bất khả kháng như mất điện, thiên tai, hỏa hoạn...không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.3. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có phát sinh do lỗi của bên A hoặc khách hàng của bên A làm cho gián đoạn công việc thực hiện dự án như lỗi phát sinh do hệ thống máy tính, người đại diện của bên A hoặc khách hàng bên A không tham gia các buổi làm việc đã lên lịch trước của bên B thì cũng không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.4. Tiến độ thực hiện hợp đồng được nêu trong phụ lục " Phạm vi công việc" của hợp đồng.

ĐIỀU 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, THANH TOÁN.

Giá trị của Hợp đồng này là **1.450.200.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./.).**

Giá trên đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí có liên quan đế Bên B thực hiện công việc. Ngoài giá trị Hợp đồng, Bên A không phải thanh toán cho Bên B hoặc bên thứ ba bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí hoặc khoản tiền nào khác.

- 7.1. Việc thanh toán tổng giá trị của Hợp đồng được thực hiện theo tiến độ như sau:

Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của bên B, bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu hoàn tất công việc;
- Thanh lý hợp đồng.

Việc thanh toán của Bên A cho Bên B được thực hiện qua chuyển khoản theo thông tin tài khoản như sau:

BÊN B:

Số tài khoản: 36388550905

Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong–CN Hà Nội

Tên người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Chi tiết tài khoản ngân hàng nêu trên nếu có sự thay đổi. Bên B có trách nhiệm phải thông báo cho Bên A bằng văn bản vào từng thời điểm và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không thông báo cho Bên A về việc thay đổi tài khoản ngân hàng này.

- 7.2. Nếu Bên A không đồng ý về một phần hoặc toàn bộ giá trị của một hóa đơn do Bên B phát hành thì Bên A sẽ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn, thông báo cho Bên B về số tiền mà Bên A không đồng ý thanh toán và lý do mà Bên A cho rằng mình không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đó. Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Bên A gửi thông báo trên, các bên sẽ gặp để trao đổi để xác định số tiền thực tế phải thanh toán. Nếu các bên không thể thỏa thuận được về số tiền thực tế phải thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày diễn ra cuộc họp nói trên thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vấn đề này ra cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định tại Hợp đồng này.
- 7.3. Nếu một hóa đơn hợp lệ do Bên B phát hành không được Bên A thanh toán trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán theo quy định tại Điều 7.2 thì bên B có quyền tính lãi cho Bên A trên số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi thực hiện việc thanh toán với lãi suất theo quy định ở điều 17 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8. KẾT QUẢ, CHẤP THUẬN VÀ NGHIỆM THU

- 8.1 Các tài liệu, sản phẩm bàn giao theo Hợp đồng:
 - a. Thiết kế tổng thể, thiết kế kỹ thuật dự án.
 - b. Ước lượng nhân công cho dự án.
 - c. Prototype của ứng dụng.
 - d. Sản phẩm demo, và source code.

- 8.2 Quy trình chấp thuận:

- a. Tài liệu, sản phẩm bàn giao theo hợp đồng (được mô tả ở mục 8.1) sẽ do Khối Công Nghệ, của bên A đại diện nghiệm thu với bên B.
- b. Kết thúc từng giai đoạn trong quá trình triển khai dự án, bên B phải chuyển giao kết quả công việc hoàn thành cho quản trị dự án của bên A xem xét đánh giá. Nếu đạt yêu cầu của quản trị dự án, kết quả công việc sẽ được đánh giá là hoàn thành.
- c. Khi toàn bộ các kết quả bàn giao được nghiệm thu, hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Sau khi bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. XỬ LÝ CÁC YÊU CẦU THAY ĐỔI HOẶC PHÁT SINH

Trong trường hợp Một Bên có yêu cầu thay đổi hoặc phát sinh so với phạm vi các công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì các yêu cầu này phải được người đại diện có thẩm quyền của Bên đó ký và gửi cho Bên kia bằng văn bản. Việc thay đổi phạm vi các công việc do một Bên đề nghị chỉ được chấp thuận sau khi Bên kia đã xem xét và đồng ý bằng văn bản. Trong trường hợp thay đổi phạm vi công việc phát sinh thêm chi phí hoặc giảm chi phí, Bên đó phải thanh toán hoặc giảm các chi phí này theo thỏa thuận phát sinh bằng văn bản có xác nhận đồng ý của không tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. CHẨM DỨT HỢP ĐỒNG

BÊN A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên B (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.1 Bên B vi phạm cơ bản nghĩa vụ, cam kết hoặc đảm bảo theo Hợp đồng mà không khắc phục, không có khả năng khắc phục hoặc (trong trường hợp một vi phạm có khả năng khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục bằng văn bản từ Bên A và người đại diện theo pháp luật của hai bên không thể thống nhất được phương án giải quyết. Trong trường hợp này Bên A phải thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành mà chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có).
- 10.2 Bên B lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hầu như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể.
- 10.3 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B những chi phí cho phần công việc mà Bên B đã thực hiện hoàn tất. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bồi hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A nếu phần công việc được cung cấp bởi nhà cung cấp khác không hoạt động tương thích với Chương trình do Bên B cung cấp.
- 10.4 Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên A được hưởng theo các điều khoản vẫn có giá trị sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.

BÊN B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên A (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.5 Nếu bên A vi phạm cơ bản nghĩa vụ của Bên A theo Hợp đồng này mà không khắc phục, không có khả năng khắc phục hoặc (trong trường hợp một vi phạm có khả năng khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong vòng 30 ngày sau khi nhận được các yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên B và người đại diện theo pháp luật của hai bên không thể thống nhất được phương án giải quyết. Trong trường hợp này Bên A phải thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành mà chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có).
- 10.6 Nếu Bên A lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hầu như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải trả lại phần kinh phí đã nhận của bên A.
- 10.7 Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng theo điều này, Bên B không phải chịu bất cứ chi phí bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên B được hưởng theo các điều khoản vẫn có giá trị sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG.

- 11.1 Mỗi bên sẽ không có trách nhiệm với bên kia cho sự chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này vì bất kỳ lý do gì bị gây ra bởi Sự kiện Bất khả kháng.

- 11.2 Theo Hợp đồng này, Sự kiện Bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được hoặc không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm những không hạn chế các sự kiện như thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, bạo loạn, can thiệp của Chính phủ.
- 11.3 Khi xảy ra Sự kiện Bất khả kháng, Bên B ảnh hưởng phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân của sự kiện đó trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện Bất khả kháng và tiến hành các biện pháp cần thiết để hạn chế tác động bất lợi của sự kiện đó.
- 11.4 Các bên sẽ nỗ lực thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của Sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 12. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

- 12.1. Bên A chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với tài liệu, phần mềm hệ thống, phần mềm công cụ, môi trường vận hành và các phần mềm liên quan khác do Bên A cung cấp.
- 12.2. Bên A được quyền sở hữu bàn quyền toàn bộ các kết quả do cán bộ Bên B thực hiện trong phạm vi của hợp đồng này.
- 12.3. Bên B cam kết rằng, việc giải quyết khiếu nại với bên thứ ba liên quan đến cáo buộc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ không làm ảnh hưởng đến các chương trình bên B tham gia phát triển với bên A.
- 12.4. Bên B cam kết có quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các sản phẩm/dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A theo nội dung Hợp đồng này.
- 12.5. Các bên được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến các tranh chấp, khiếu kiện/khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm/dịch vụ của mỗi bên.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT VÀ AN NINH.

- 13.1 Mỗi bên sẽ bảo mật trong mọi thời điểm về Thông tin Bảo mật được bên kia tiết lộ cho bên đó và sẽ không sử dụng, tiết lộ hoặc làm tiết lộ, cung cấp hoặc theo cách thức khác cung cấp lại các Thông tin Bảo mật đó cho bất kỳ người nào ngoại trừ người lao động, đại lý được phép, nhà thầu hoặc đại diện của bên đó mà việc tiết lộ là cần thiết cho Mục đích của Hợp đồng này theo các điều kiện không kém chặt chẽ hơn các điều kiện của Hợp đồng này.
- 13.2 Mỗi bên sẽ sử dụng các biện pháp phù hợp (và tiến hành các biện pháp phòng ngừa không kém khắt khe hơn các biện pháp được bên đó sử dụng để bảo vệ các thông tin bảo mật của chính bên đó) để đảm bảo các nhân viên của bên đó sẽ không sử dụng Thông tin Bảo mật theo cách thức không được Hợp đồng này cho phép hoặc tiết lộ Thông tin Bảo mật cho bất kỳ người nào khác mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.
- 13.3 Bên A đồng ý tuân thủ các quy trình của Bên B một cách hợp lý để cấp giấy phép bảo mật/an ninh cho bất kỳ nhân viên nào của Bên A là người cần truy cập vào hệ thống máy tính của Bên B hoặc tài liệu khác cho Mục đích cung cấp các dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này.
- 13.4 Một bên không vi phạm nghĩa vụ của mình nếu thông tin quy định trong những khoản này:
- Dã được công chúng biết đến mà không phải do việc vi phạm các khoản này;
 - Dã đang nằm trong sự chiếm hữu của bên nhận thông tin mà không bị hạn chế gì liên quan đến việc tiết lộ trước khi nhận được thông tin đó từ bên tiết lộ thông tin;
 - Bị yêu cầu tiết lộ theo quy định của luật; hoặc
 - Được bên nhận thông tin có được hoặc tạo ra một cách độc lập.
- 13.5 Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 14. BẢO VỆ DỮ LIỆU

- 14.1. Bên B hoặc mỗi thành viên của Bên B sẽ coi các dữ liệu của Bên A/khách hàng bên A là Thông tin Bảo mật và Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ đảm bảo các nhận viên, đại lý và nhà thầu của họ tuân thủ quy định về Thông tin Bảo mật này. Nếu Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B nhận được dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này, Bên B và mỗi thành viên Bên B sẽ chỉ sử dụng thông tin đó cho Mục đích để thực hiện các nghĩa vụ của nó theo Hợp đồng này, và sẽ tuân thủ tất cả các chi dãn hợp lý của Bên A liên quan đến dữ liệu cá nhân đó.
- 14.2. Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ thực hiện tất cả các thủ tục thương mại hợp lý về an ninh, kỹ thuật và tổ chức để đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của các dữ liệu cá nhân đó khi chúng đang nằm trong sự chiếm hữu của bên đó và đảm bảo các dữ liệu cá nhân đó không bị sao chép, tiết lộ, xử lý, xóa, thay đổi, sử dụng hoặc bị sửa chữa theo một cách thức không được phép và để bảo vệ dữ liệu cá nhân đó phù hợp với các chi dãn hợp lý của Bên A.
- 14.3. Mọi vi phạm hoặc vi phạm tiềm tàng các quy định tại Điều 15 sẽ phải được Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Bên A.
- 14.4. Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 15. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM.

Mỗi bên tuyên bố và đảm bảo với bên kia, và đây là một điều kiện của Hợp đồng này, kể từ Ngày Hiệu lực của Hợp đồng này:

- Hợp đồng này tạo thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực ràng buộc hoặc có thể thi hành phù hợp với các điều khoản của nó theo một quy trình pháp lý phù hợp;
- Mỗi Bên có thẩm quyền để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng này ; và
- Hợp đồng này không mâu thuẫn với hoặc dẫn đến một sự vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ của các bên hoặc các điều khoản cơ bản của bất kỳ thỏa thuận, lệnh, quyết định, phán quyết, luật nào mà các bên phải thi hành hoặc chịu sự điều chỉnh.

ĐIỀU 16. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG.

- 16.1. Trong trường hợp Bên B vi phạm tiền độ thực hiện do lỗi của mình mà hai Bên không có thỏa thuận nào khác, Bên B sẽ chịu phạt bằng 0,1% giá trị của phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính trên một ngày vi phạm. Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm không được vượt quá 8% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 16.2. Trong trường hợp Bên A vi phạm tiền độ thanh toán cho bên B mà hai bên không có thỏa thuận nào khác thì bên A sẽ chịu phạt bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm vi phạm cộng thêm 5 %/năm, tính trên số ngày trả chậm. Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm không được vượt quá 8% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 16.3. Trường hợp một trong các Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào khác quy định tại Hợp đồng này mà hai bên không có thỏa thuận nào khác, thì bên vi phạm sẽ chịu phạt bằng 8% giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 17. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 17.1. Luật Việt Nam điều chỉnh tất cả các vấn đề của Hợp đồng này.
- 17.2. Bất kỳ một bất đồng, tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng đàm phán sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc

tế Việt Nam ("VIAC") bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng của Trung tâm này ("Quy tắc") bởi ba trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm đó. Trọng tài xét xử bằng tiếng Việt tại Hồ Chí Minh.

- 17.3. Trừ khi rõ ràng bị ngăn cản bởi phạm vi tranh chấp, các bên đồng ý tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng này (bao gồm cả thanh toán các khoản phí) trong khi vấn đề tranh chấp đang được giải quyết trừ khi và cho đến khi các nghĩa vụ đó bị chấm dứt hoặc hết hạn theo các điều khoản của Hợp đồng này;
- 17.4. Điều khoản này không ngăn cản một bên vào bất kỳ lúc nào tìm kiếm việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc một biện pháp hạn chế tồn thắt nào đó để bảo vệ quyền lợi của mình.

ĐIỀU 18. THÔNG BÁO.

- 18.1. Bất kỳ thông báo theo yêu cầu được đưa ra trong Hợp đồng này:
- Phải gửi bằng văn bản có ghi rõ địa chỉ của bên nhận tới địa chỉ được ghi dưới đây hoặc địa chỉ theo thông báo mới nhất mà bên nhận gửi tới bên dưới:

Địa chỉ liên lạc của Bên A:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINFAST

Địa chỉ: Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 024 39748579

Địa chỉ liên lạc của Bên B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TY VIKING

Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 385829280

- Phải được ký bởi một cá nhân được ủy quyền hợp pháp bởi bên gửi; và
- Sẽ được coi như là đã được gửi hoặc thực hiện:

- (Trong trường hợp chuyển bởi một người hoặc bằng đường bưu điện) khi đã chuyển hoặc được nhận tại địa chỉ ở trên; và
- (Trong trường hợp gửi fax) khi bên nhận nhận được tín hiệu phản hồi của bên nhận vào lúc cuối của lần gửi.

- 18.2. Nhưng nếu việc gửi hoặc nhận diễn ra trong một ngày mà không phải là Ngày làm việc hoặc sau 5:30 giờ chiều tại địa điểm nơi nhận, thông báo sẽ được coi như là đã chuyển hoặc đã nhận vào thời điểm bắt đầu làm việc trong Ngày làm việc tiếp theo.

- 18.3. Trong trường hợp thay đổi địa chỉ liên lạc, các Bên phải thông báo cho Bên còn lại ít nhất trước 03 ngày làm việc.

ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 19.1. Không bên nào được quyền chuyển nhượng, thuê thầu phụ, cấp quyền hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia (chấp thuận đó không bị trì hoãn hoặc chậm trễ đưa ra một cách bất hợp lý) trừ khi bên đó có quyền chuyển nhượng những lợi ích từ Hợp đồng này cho mục đích hợp nhất hoặc tổ chức lại của bên đó. Trong trường hợp một bên của Hợp đồng này rời vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, bất kỳ chuyển nhượng nào cũng chỉ được phép thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của bên kia.

- 19.2. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thực thi theo pháp luật của Việt Nam thì điều khoản đó sẽ được sửa lại sao cho có hiệu lực và có thể thực thi, nếu có thể, hoặc nếu không thể thì chỉ riêng điều khoản đó sẽ không có hiệu lực và hoặc

Không thể thay thế và không ảnh hưởng đến các điều khoản còn lại của Hợp đồng này cũng như hiệu lực và khả năng thực thi của chính điều khoản đó theo quy định của pháp luật.

- 19.3. Các điều khoản của Hợp đồng này (và bất kỳ Phụ lục nào) không bị sửa đổi, bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- 19.4. Hợp đồng này có giá trị ràng buộc đối với cả những người thừa kế và nhận chuyen nhuong hop phap cua moi ben.
- 19.5. Hợp đồng này kèm theo các Phụ lục được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như sau do mỗi bên giữ 02 bản.
- 19.6. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định của Hợp đồng này với tài liệu, văn bản liên quan, trao đổi, phụ lục hợp đồng thì các quy định tại Hợp đồng này sẽ được sử dụng.

ĐIỀU 20: CAM KẾT KHÔNG HỒI LỘ

Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, đại lý hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A ("Người Bên B") sẽ không (i) hồi lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hồi lộ, quà tặng, trích thường hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hồi Lộ"), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên A (gọi chung là "Người Bên A") hoặc thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hồi Lộ Người Bên A nhằm được ưu tiên ký Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A hoặc được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A, và/hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hồi Lộ theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A.

Trường hợp bất kỳ Người Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đồi Hồi Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại hotline: 0988428787
- Email: gopy@vingroup.net

Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

- (a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết hợp đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ hàng hóa cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc
- (b) Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp Đồng mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hồi Lộ; và/hoặc
- (c) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hồi Lộ, phạt Bên B một khoản tiền tương đương với 150,000,000 VND (một trăm năm mươi triệu đồng) đối với một lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng/Thỏa thuận ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng/thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận như trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B; và/hoặc
- (d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hồi Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hồi Lộ của Bên B và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh

chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

VINFEST

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Mai Tuyết Trinh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Dũng

PHỤ LỤC A
ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH
(Là một phần không tách rời của Hợp đồng số 2018/VINFAST/VKG-001 ngày .../.../...)

1. Những định nghĩa dưới đây sẽ được áp dụng cho Hợp đồng này trừ khi ngữ cảnh yêu cầu hiều khác đi:
 - 1.1 "Hợp đồng" có nghĩa là văn bản Hợp đồng và các phụ lục đính kèm.
 - 1.2 "Chấp thuận" có nghĩa là việc chấp thuận các dịch vụ theo các quy định của Hợp đồng.
 - 1.3 "Biên bản Nghiệm thu Hệ thống" là biên bản nghiệm thu toàn bộ các công việc theo Hợp đồng này do đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký, bao gồm Các Chương trình được cung cấp và các dịch vụ được triển khai.
 - 1.4 "Bên A" trong khuôn khổ của Hợp đồng này, được hiểu bao gồm cả hệ thống bộ máy tổ chức của Bên A (gồm trụ sở chính, các Chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm, các đơn vị trực thuộc khác do Bên A thành lập), đại lý, văn phòng kinh doanh và các Công ty con của Bên A tại Việt Nam.
 - 1.5 "Bên B" có nghĩa là Công ty Cổ phần Công nghệ Viking có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp liên quan đến bản quyền được cung cấp theo Hợp đồng này.
 - 1.6 "Người dùng sử dụng" có nghĩa là số Người sử dụng (là số lượng tối đa người được chấp thuận theo Hợp đồng này).
 - 1.7 "Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu" có nghĩa là cấu trúc được sắp xếp có hệ thống dùng để lưu trữ dữ liệu của Bên B. Khi thuật ngữ Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu được sử dụng trong Hợp đồng này, nó cũng bao gồm các Từ điển Dữ liệu.
 - 1.8 "Từ điển Dữ liệu" và "Module Dữ liệu" có nghĩa là các tài liệu bản quyền của Bên A do Bên A xuất bản và cấp phép cho Bên B sử dụng, mà nó cung cấp các Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu. Khi thuật ngữ Từ điển Dữ liệu được sử dụng trong Hợp đồng này, nó cũng bao gồm cả các Module Dữ liệu.
 - 1.9 "Người sử dụng" là nhân viên của Bên A và khách hàng Bên A, bao gồm nhân viên thuộc hệ thống bộ máy tổ chức của Bên A và khách hàng Bên A.
 - 1.10 "Hướng dẫn Sử dụng" có nghĩa là các tài liệu giải thích dưới dạng bản cứng và bản điện tử hoặc các ghi chú liên quan đến Phần mềm do Bên A cung cấp (giống như các hướng dẫn sử dụng được xuất bản chung và có thể được cập nhật tùy từng thời điểm bởi Bên A).
 - 1.11 "Máy con" có nghĩa là toàn bộ cấu hình máy tính cá nhân bao gồm bắt cứ Chương trình và phần mềm điều hành nào được Bên A hoặc Bên B cài đặt.
 - 1.12 "Công ty Liên quan" có nghĩa là bất cứ pháp nhân nào chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi bất cứ bên nào trong Hợp đồng này trong thời gian bên đó sở hữu hoặc kiểm soát. Việc sở hữu hoặc kiểm soát sẽ tồn tại thông qua hình thức sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hơn năm mươi phần trăm (50%) giá trị danh nghĩa của số vốn cổ phần được phát hành, hoặc hơn năm mươi phần trăm (50%) cổ phiếu cho phép cổ đông được quyền bỏ phiếu lựa chọn giám đốc hoặc những người thực hiện các chức năng hoặc quyền tương tự bằng bất cứ biện pháp nào khác để bầu hoặc bổ nhiệm các giám đốc hoặc những người cùng thực hiện việc kiểm soát đó.
 - 1.13 "Go-live" có nghĩa ngày đầu tiên thực hiện thành công bất kỳ giao dịch nào trên môi trường thử nghiệm.

- 1.14 “Địa điểm được Ủy quyền” có nghĩa là địa điểm mà Bên B sẽ thực hiện các dịch vụ của mình cho Bên A và khách hàng Bên A.
- 1.15 “Cập nhật” có nghĩa là các bản sửa đổi, chỉnh sửa hoặc nâng cấp đối với Các Chương trình nhằm sửa chữa các sự cố chức năng và/hoặc để khắc phục Lỗi Chương trình và/hoặc để nâng cao khả năng hoạt động của Các Chương trình như là một phần của việc dịch vụ bảo trì;
- 1.16 “Phiên bản Mới” có nghĩa là phiên bản mới đã qua kiểm tra và đảm bảo chất lượng của Các Chương trình bao gồm (các) Cập nhật để hình thành nên Các Chương trình đã được sửa đổi. Một phiên bản mới thường được phát hành hàng năm;
- 1.17 “Ngày Làm việc” có nghĩa là một ngày trong tuần trừ ngày Thứ Bảy, ngày Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật.
- 1.18 “Thông tin Bảo mật” có nghĩa là dữ liệu mà bên tiết lộ thông tin, hoặc Bên Liên quan của bên đó, hiện tại hoặc trong tương lai đang chiếm hữu liên quan tới kỹ thuật, kinh doanh, tài chính, tài liệu hoạt động và thành lập, và dữ liệu khác nói chung được bên đó xem là độc quyền hoặc bảo mật và thông tin đó:
- (a) được đánh dấu “Bảo mật” hoặc “Độc quyền”, hoặc một chú giải tương tự, vào thời điểm tiết lộ; hoặc
 - (b) được xác định một cách rõ ràng đối với bên nhận là thông tin bảo mật hoặc độc quyền vào thời điểm tiết lộ; hoặc
 - (c) có giá trị và được một thực thể kinh doanh bất kỳ đánh giá một cách thận trọng là thông tin bảo mật.
- Thông tin Bảo mật có thể gồm có thông tin thuộc về một bên thứ ba như khách hàng hoặc nhà cung cấp hoặc khách hàng tiềm năng hoặc nhà cung cấp tiềm năng của bên tiết lộ thông tin. Thông tin Bảo mật của Bên A bao gồm Chương trình, Cơ cấu Dữ liệu và Hướng dẫn sử dụng. Nội dung của Hợp đồng này cũng được coi là Thông tin Bảo mật của mỗi bên.
- 1.19 “Môi trường hoạt động/phát triển” có nghĩa là Môi trường hoạt động/phát triển được Bên A phê chuẩn bằng văn bản cho và/hoặc để sử dụng cùng với Các Chương trình phần mềm và/hoặc Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu bao gồm các phiên bản chi tiết của phần cứng và phần mềm được cung cấp theo hợp đồng này.
- 1.20 “Ngày Hiệu lực” có nghĩa là ngày mà Hợp đồng này được ký kết bởi các bên như được ghi tại phần đầu của Hợp đồng.
- 1.21 “Quyền Sở hữu Trí tuệ” bao gồm mọi quyền đã đăng ký hoặc chưa được đăng ký ở hiện tại và trong tương lai, tại Việt Nam và ở mọi nơi trên thế giới:
- (a) bất kỳ quyền tác giả cũng như mọi mã máy tính hoặc đoạn mã viết tay, dù được biên soạn hay chưa dưới dạng ngôn ngữ hoặc chương trình máy tính, nhãn hiệu hàng hóa hoặc nhãn hiệu dịch vụ, kiêu dáng, sáng chế, giải pháp hữu ích, tên miền, mọi quyền liên quan đến phần mềm máy tính, dữ liệu và cơ sở dữ liệu, Thông tin Bảo mật, bí mật thương mại và bí quyết, mảnh tích hợp bán dẫn và mọi quyền vô hình khác, hoặc quyền bộ trí mảnh tích hợp, tên thương mại, tên kinh doanh hoặc tên công ty, bí mật thương mại, ý tưởng, khái niệm, học thuyết, phương pháp, thuật toán, bí quyết và chỉ dẫn kỹ thuật nguồn gốc hoặc chỉ dẫn xuất xứ, hoặc quyền độc quyền khác; và
 - (b) bất kỳ quyền đăng ký, nộp đơn đăng ký, gia hạn, duy trì, mở rộng, tách và phát hành lại được gắn với các quyền như được mô tả ở đoạn (a) ở trên.
- 1.22 “Không tương thích” có nghĩa là khi chương trình không thực hiện đúng các chức năng được miêu tả trong Hướng dẫn Sử dụng và/hoặc không đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.
- 1.23 “Tiêu chuẩn Chấp thuận” là tài liệu do Bên A lập ra và Bên B chấp nhận. Đây là tài liệu tiêu chuẩn và duy nhất mà Bên A và Bên B căn cứ vào khi thực hiện các kiểm tra chấp thuận và nghiệm thu;
- 1.24 “Lỗi Chương trình” có nghĩa là lỗi như định nghĩa trong Hợp đồng bảo trì, về Chương

trình và/hoặc Cơ cấu Dữ liệu;

- 1.25 “**Kiểm tra** **Chấp thuận**” có nghĩa là việc Bên A và Bên B ký vào Biên bản nghiệm thu sau khi Bên B hoàn thành các công việc theo tiến độ thực hiện quy định của Hợp đồng này;
2. Trong Hợp đồng này, các điều mục chỉ là để thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp đồng này, và trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi:
- (a) từ số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại;
 - (b) từ giống đực bao gồm cái và giống khác;
 - (c) các phần khác của một lối nói và các cấu trúc ngữ pháp của một từ hoặc một ngữ định nghĩa trong Hợp đồng này có ý nghĩa tương ứng;
 - (d) tham chiếu đến một người bao gồm công ty hoặc một loại hình doanh nghiệp khác, hợp danh, Liên danh, hiệp hội và cơ quan chính phủ;
 - (e) tham chiếu đến một Điều hoặc một Phụ lục là tham chiếu đến một điều hoặc một phụ lục của Hợp đồng này;
 - (f) tham chiếu đến một bên có nghĩa là Bên A hoặc Bên B, tuỳ thuộc vào ngữ cảnh, và bao gồm các bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép của bên đó;
 - (g) tham chiếu đến một tài liệu bao gồm tất cả các sửa đổi hoặc bổ sung, hoặc thay thế của tài liệu đó;
 - (h) tham chiếu đến “Hợp đồng này” hoặc “Phụ lục” bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm theo Hợp đồng và Phụ lục đó;
 - (i) tham chiếu đến một văn bản luật hoặc tới một điều khoản của văn bản đó bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc tái ban hành văn bản luật đó hoặc quy định pháp luật thay thế cho, và tất cả các văn bản nhán luật được ban hành theo văn bản luật hoặc điều khoản luật đó;

Loại dự án

Phạm vi công việc và nguồn lực cho các công việc trong dự án

STT	Diễn giải	Nhân công (MD)	Tỷ lệ (%)	Có thực hiện
1	Nhân công cho hoạt động QTDA (lập kế hoạch, kiểm soát tiến độ, chất lượng, báo cáo, họp định kỳ, họp khởi động, họp kết thúc, họp milestone...)	72,77	7,5%	Có
2	Nhân công cho các hoạt động khảo sát, tạo và xem xét các tài liệu phân tích, Prototype và thống nhất với khách hàng và đơn vị VHKT	164,94	17,0%	Có
3	Nhân công cho các hoạt động làm tài liệu thiết kế	126,13	13,0%	Có
4	Là tổng Nhân công coding và Unit test	203,75	21,0%	Có
5	Nhân công cho hoạt động review code, tính = 10% Nhân công coding đã tính % tái sử dụng	20,38	2,1%	Có
6	Nhân công cho sửa lỗi và quản lý lỗi trên Mantis của CBPT	67,92	7,0%	Có
7	Nhân công cho: viết KBKT, xem xét, phê duyệt KBKT, làm biên bản nghiệm thu nội bộ	46,57	24,0%	Có
8	Bao gồm nhân công xây dựng bộ script test tự động cho phần mềm trên mobile và cho backend server	139,71		
9	Bao gồm nhân công: Thực hiện và ghi nhận kết quả kiểm thử, quản lý lỗi lỗi trên hệ thống Mantis, Làm báo cáo kiểm thử	139,71		
10	Tổng nhân công cho kiểm thử hiệu năng của yêu cầu	0,00	0%	Có
11	Nhân công cho các hoạt động tạo các tài liệu hướng dẫn (HDSD, HDVH, HDKT, HDCD) triển khai, đào tạo, bàn giao tài liệu, chuyển giao hệ thống...	81,50	8,4%	Có
Là tổng nhân công thực hiện của dự án sau khi trừ đi nhân công các giai đoạn không thực hiện (Man-day)		1.063,38	100%	
Là tổng nhân công thực hiện của dự án sau khi trừ đi nhân công các giai đoạn không thực hiện (Man-month)		48,34		

	Công việc
Tuần 1	<p>Tìm hiểu nghiệp vụ và xây dựng Thiết kế tổng thể, thuyết minh kỹ thuật dự án.</p>
Tuần 2	<p>Xây dựng prototype ứng dụng Mobile và xây dựng API Gateway:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý cấu hình Device Gateway. - Xây dựng và cấu hình Dynamo Database. - Xây dựng và cấu hình AWS IoT Gateway. - Xây dựng và cấu hình Lambda Function. - Xây dựng AWS API Gateway.
Tuần 3	<p>Xây dựng các tính năng trên mobile:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm chức năng đăng nhập, đăng ký. - Nhóm chức năng thêm xe. - Nhóm chức năng menu. - Nhóm chức năng home.
Tuần 4	<p>Xây dựng và kiểm thử tích hợp các tính năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm chức năng bản đồ. - Nhóm chức năng profile.
Tuần 5	Triển khai Demo ứng dụng và bàn giao source code.
Tuần 6	Nghiêm thu và thanh lý hợp đồng.

PHỤ LỤC 03: TÀI LIỆU, SẢN PHẨM BÀN GIAO
(Là một phần không tách rời của Hợp đồng số 2018/VINFEST/VKG-001 ngày/..../....)

STT	Tài liệu bàn giao
01	Thiết kế tổng thể, thiết kế kỹ thuật dự án.
02	Ước lượng nhân công cho dự án.
03	Prototype của ứng dụng.
04	Sản phẩm demo, và source code.

PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIỀN KHAI

(Là một phần không tách rời của Hợp đồng số 2018/VINFAST/VKG-001 ngày/..../....)

Phương pháp luận triển khai dự án sản xuất phần mềm là quy trình triển khai dự án phần mềm của bên A cho khách hàng. Bên B bắt buộc phải tuân thủ chặt chẽ các quy định này để bảo đảm chất lượng của dự án và đồng bộ với các hoạt động trong các phân hệ khác do bên A triển khai cho khách hàng.

1. Phương pháp luận về quản trị dự án:

Phương pháp quản trị dự án của bên A dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Tất cả các dự án phải có người quản trị dự án để đảm bảo thực hiện kế hoạch dự án được thống nhất với các bên liên quan đến dự án.
- Dùng kế hoạch dự án để liệt kê các công việc phải thực hiện nhằm hoàn tất các công việc được chỉ ra trong phạm vi công việc của dự án với các mốc thời gian cụ thể.
- Việc phối hợp giữa các đội liên quan đến dự án như cài đặt hệ thống, đào tạo, tư vấn nghiệp vụ...của bên B, bên A và khách hàng được chỉ rõ trong kế hoạch dự án và thống nhất về thời điểm hoàn thành trong kế hoạch dự án.
- Các bên liên quan dự án gồm quản trị dự án của khách hàng và của bên A đều phải thống nhất bằng cách ký vào kế hoạch dự án.
- Tất cả mọi phát sinh trong quá trình thực hiện dự án phải được chuyển đến một đầu mối là quản trị dự án để giải quyết.
- Hàng tuần tất cả các thành viên của dự án phải họp để xem xét tiến độ thực hiện và đề ra các biện pháp để khắc phục các sự chậm trễ nếu có và lên kế hoạch chi tiết tiếp theo cho tuần sau.

2. Quy trình triển khai dự án phần mềm

Dự án phần mềm được tiến hành theo các bước sau đây:

- Khảo sát hiện trạng
- Phân tích yêu cầu của người sử dụng
- Thiết kế chi tiết chương trình bao gồm: Thiết kế cơ sở dữ liệu, thiết kế màn hình, thiết kế các quy trình xử lý dữ liệu, thiết kế báo cáo.
- Xây dựng chương trình theo thiết kế đã duyệt
- Test hệ thống
- Chuyển đổi dữ liệu
- Go live

STT	Tên Bước	Mục đích	Kết quả đạt được
1	Khảo sát hiện trạng	<p>Nắm rõ thông tin về quy trình nghiệp vụ hiện tại của khách hàng để từ đó có các tư vấn để xây dựng hệ thống quản lý thích hợp bằng chương trình phần mềm.</p> <ul style="list-style-type: none">- Sơ đồ lưu chuyển thông tin;- Thông tin cụ thể được ghi nhận ở từng bước;- Mẫu biểu báo cáo đang sử dụng;- Công việc cụ thể của tất cả các nhân viên tham gia vào quá trình.	<p>Báo cáo quy trình thông tin hiện trạng của của khách hàng và được khách hàng xác nhận chính xác để nghiệm thu.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết các yêu cầu của người sử dụng đối với chương trình mới; - Đề xuất giải pháp các yêu cầu thực hiện của khách hàng; - Đối với các yêu cầu nào không thể thực hiện được thì cần nêu rõ để thống nhất với khách hàng; - Phân tích các điều kiện kỹ thuật, nghiệp vụ để thực hiện các yêu cầu của khách hàng. 	khách hàng thông qua để làm cơ sở cho việc thiết kế các quy trình nghiệp vụ mới.
3	Thiết kế chương trình	<p>Căn cứ vào tài liệu phân tích yêu cầu của người sử dụng, cán bộ thiết kế sẽ lên các tài liệu thiết kế như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế báo cáo: Thiết kế tổng thể chương trình; - Thiết kế cơ sở dữ liệu; - Thiết kế màn hình; - Thiết kế các module xử lý; - Thiết kế báo cáo. 	Các tài liệu thiết kế phải được hội đồng xem xét và thông qua.
4	Xây dựng hệ thống	Hệ thống chương trình sẽ được xây dựng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt trong các tài liệu thiết kế.	Hệ thống phần mềm vận hành đúng theo thiết kế
5	Test hệ thống	Sử dụng số liệu thực tế của khách hàng để kiểm tra hệ thống	Hệ thống cho kết quả đúng với số liệu đầu vào do khách hàng cung cấp
6	Chuyển đổi dữ liệu	<p>Phối hợp cùng khách hàng chuẩn hóa số liệu hiện có theo yêu cầu của hệ thống phần mềm.</p> <p>Tiến hành tạo dữ liệu ban đầu cho hệ thống có thể vận hành</p>	Số liệu sẵn sàng cho hệ thống đưa vào vận hành
7	Go live	<p>Dào tạo người sử dụng.</p> <p>Đưa vào vận hành hệ thống chính thức</p>	Hệ thống được vận hành thực tế ổn định và chính xác.